MB

BIỂU PHÍ THẺ ĐA NĂNG

HI-COLLECTION · Ngày cập nhật: 23/09/2026



I Phí phát hành | II Phí phát hành lại thẻ/trả thẻ | III Phí thường niên | IV Phí giao dịch | V Trả góp | VI Lãi suất thẻ | VII Lưu ý khác

I PHÍ PHÁT HÀNH

KHOẢN MỤC PHÍ	Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
1 Thẻ Visa, JCB, Mastercard PVC		Miễn phí	**70.000 VNĐ**	
2 Thẻ VETC Drive Pass		Miễn phí	**70.000 VNĐ** (miễn phí với thẻ in vật lý trên kênh app)	
3 Thẻ JCB Be The Sky		SkyCloud: **50.000 VNĐ**		
• Daybreak			**70.000 VNĐ** không gồm merchandise; **450.000 VNĐ** bao gồm merchandise	
• Starlight			**900.000 VNĐ** bao gồm merchandise	
• Apeiron			**1.800.000 VNĐ** bao gồm merchandise	
4 Vòng tay thanh toán Visa Stellar			**360.000 VNĐ**	
5 Thẻ phát sáng (Thẻ LED)			**200.000 VNĐ**	
6 Thẻ kim loại (BST Lucky Charm, ACE, Cung hoàng đạo, Green Pink)			**10.000.000 VNĐ**	

II PHÍ PHÁT HÀNH LẠI THẺ/TRẢ THẺ

KHOẢN MỤC PHÍ	Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
Phí cấp lại PIN tại quầy - PIN Giấy		**20.000 VNĐ/lần**, áp dụng chung với các loại thẻ		
Phí cấp lại PIN trên app		Miễn phí		
Phí trả thẻ tại nhà		**30.000 VNĐ/lần**, áp dụng chung với các loại thẻ		

III PHÍ THƯỜNG NIÊN

KHOẢN MỤC PHÍ	Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
1 Thẻ Visa, JCB, Mastercard (Bao gồm các BST thẻ PVC, LED, Kim loại, Vòng tay Stellar)		**1. Thẻ không hạn mức:** Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: **90.000 VNĐ/năm** **2. Thẻ có hạn mức:** Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: **199.000 VNĐ/năm** & miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ **20 triệu VNĐ**		**Thời gian áp dụng:** **1. Đối với thẻ không có hạn mức:** từ ngày 06/02/2026 cho tất cả thẻ kích hoạt trước & sau thời điểm áp dụng **2. Đối với thẻ có hạn mức:** từ ngày 15/10/2025 (xét theo thời gian kích hoạt thẻ)
2 Thẻ VETC Drive Pass		Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: **450.000 VNĐ** & miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ **80 triệu VNĐ** (không bao gồm GD ATM, GD rủi ro/gian lận, GD hoàn/hủy và không áp dụng với thẻ có phát sinh nợ xấu, nợ liên đới tại thời điểm xét thu phí)		
3 Thẻ Mastercard Hi-Slaydy		**1. Thẻ không hạn mức: 120.000 VNĐ/năm** **2. Thẻ có hạn mức: 299.000 VNĐ/năm**; • Đối với các thẻ kích hoạt trước 20/01/2025: Miễn phí thường niên 3 năm đầu; Từ năm thứ 4, miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ **100 triệu VNĐ** • Đối với thẻ kích hoạt từ 20/01/2025: Miễn phí thường niên năm đầu; Từ năm thứ 2, miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ **100 triệu VNĐ**		
4 Thẻ Mastercard Hi-Cashback		Miễn phí		
5 Thẻ Mastercard Hi-Ads		**200.000 VNĐ/năm**		

III PHÍ THƯỜNG NIÊN

	KHOẢN MỤC PHÍ	Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
6	**Thẻ JCB Be The Sky**				
	• SkyCloud		Miễn phí		Áp dụng với các thẻ kích hoạt từ ngày 11/09/2024
	• Daybreak			Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: **60.000 VNĐ**	
	• Starlight			Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: **100.000 VNĐ**	
	• Apeiron			Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: **150.000 VNĐ**	

IV PHÍ GIAO DỊCH

Áp dụng chung với các loại thẻ đa năng

	KHOẢN MỤC PHÍ	Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
1	**Giao dịch qua POS của MB**				
	Giao dịch thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ		Miễn phí		
	Giao dịch ứng tiền mặt bằng hạn mức tín dụng - chưa bao gồm VAT		**3%** * Số tiền giao dịch, tối thiểu **50.000 VNĐ**		
	Phí in sao kê 5 giao dịch gần nhất		Miễn phí		
	Phí đổi PIN		Miễn phí		
2	**Giao dịch ứng tiền mặt qua POS của ngân hàng khác**		**4%** * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu **50.000 VNĐ**		
3	**Giao dịch trên ATM của MB**				
	Phí rút tiền mặt		**1.000 VNĐ/lần**		
	Phí truy vấn số dư		Miễn phí		
	Phí in sao kê giao dịch		Miễn phí		
	Phí đổi PIN		Miễn phí		
4	**Giao dịch qua ATM của NH khác**				
	Phí rút tiền mặt trong nước - chưa bao gồm VAT		**6.000 VNĐ/lần**		
	Phí rút tiền mặt nước ngoài - chưa bao gồm VAT		**4%** * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu **100.000 VNĐ**		
	In số dư khả dụng (OTB)		Theo biểu phí của Ngân hàng thanh toán. MB không thu.		
	Phí in sao kê giao dịch				
	Phí đổi PIN				
5	**Phí thay đổi hạng thẻ**		Không áp dụng với thẻ đa năng		
6	**Phí gia hạn thẻ (không thu VAT)**		Miễn phí		
7	**Phí ngừng sử dụng thẻ theo yêu cầu của KH**				
	Đối với thẻ Mastercard Hi-Cashback/ các thẻ phi vật lý từ hệ thống (thẻ tặng khi onboard app, Tài khoản chạm - PhonePay, ...)		Miễn phí		
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại		• Thẻ có hạn mức: Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: **200.000 VNĐ/thẻ**; Các trường hợp khác: **100.000 VNĐ/thẻ** • Thẻ không hạn mức: **100.000 VNĐ/thẻ**		Áp dụng từ ngày 08/05/2026
8	**Phạt chậm thanh toán (không thu VAT)**		**6%** * Số tiền tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu **200.000 VNĐ**		
9	**Phí điều chỉnh hạn mức tín dụng**				Kênh quầy: Từ 18/07/2025 Kênh App: Từ 01/08/2025
	Trường hợp nâng/hạ hạn mức theo chính sách MB thực hiện		Miễn phí		
	Trường hợp nâng/hạ hạn mức theo yêu cầu của Khách hàng		Miễn phí lần đầu. Áp dụng từ lần thứ 2: **70.000 VNĐ/lần**		
10	**Phí thay đổi hạn mức giao dịch**		Miễn phí		
11	**Phí thay đổi hình thức đảm bảo sử dụng thẻ (không thu VAT)**		**100.000 VNĐ/lần**		
12	**Phí cập nhật lên danh sách thẻ cấm lưu hành của tổ chức thẻ quốc tế**				
	Thẻ Visa		**200.000 VNĐ/lần**		
	Thẻ JCB		**900.000 VNĐ/lần**		
	Thẻ Mastercard		**200.000 VNĐ/lần**		
13	**Phí tra soát (Áp dụng khi chủ thẻ khiếu nại không đúng)**				
	Giao dịch rút tiền ATM		Miễn phí		
	Giao dịch khác		Miễn phí, chỉ áp dụng với giao dịch từ **700.000 VNĐ**. Không áp dụng tra soát với giao dịch nhỏ hơn **700.000 VNĐ** hoặc giao dịch được byPass OTP		Từ ngày 06/06/2025
14	**Phí cấp lại bản sao sao kê**		**50.000 VNĐ/bản**		
15	**Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ hoặc các yêu cầu phát sinh khác**		**100.000 VNĐ/lần**		
16	**Phí chuyển đổi ngoại tệ (Khi thanh toán, rút tiền mặt bằng ngoại tệ)**				
	Thẻ Visa, JCB, Mastercard PVC		**2%** * Số tiền giao dịch		
	Thẻ VETC Drive Pass		**2%** * Số tiền giao dịch		
	Thẻ Mastercard Hi-Ads		**0.5%** * Số tiền giao dịch		

IV PHÍ GIAO DỊCH

Áp dụng chung với các loại thẻ đa năng

KHOẢN MỤC PHÍ		Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
	Thẻ JCB Be The Sky: SkyCloud/ Daybreak/Starlight/Apeiron		**2%** * Số tiền giao dịch		
17	**Phí xử lý giao dịch nước ngoài (bao gồm giao dịch hoàn trả hàng hóa)**		**1%** * Số tiền giao dịch		Từ 09/10/2026, áp dụng mức thu tối thiểu xét theo giá trị giao dịch, cụ thể: • Giao dịch dưới **150.000 VNĐ**: tối thiểu **5.000 VNĐ/giao dịch** • Giao dịch từ **150.000 VNĐ** trở lên: tối thiểu **10.000 VNĐ/giao dịch**
18	**Phí cung cấp bản sao hóa đơn, áp dụng chung với các loại thẻ đa năng**		**80.000 VNĐ/hóa đơn**		
	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của MB				
	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của NH khác				
19	**Phí giao dịch trên hạn mức dự phòng (nếu có)**				
20	**Phí duy trì hạn mức với thẻ không hoạt động trong hơn 12 tháng**				
21	**Phí dịch vụ thanh toán giao dịch quảng cáo**		**200.000 VNĐ/thẻ**		
22	**Phí giao dịch đặc biệt (nếu có)**				Từ 06/2025
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ dưới 10 triệu VNĐ		**100.000 VNĐ/kỳ**		
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 10 đến dưới 50 triệu VNĐ		**300.000 VNĐ/kỳ**		
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 50 triệu VNĐ		**500.000 VNĐ/kỳ**		

V TRẢ GÓP

Áp dụng chung với các loại thẻ đa năng · Áp dụng khi KH thanh toán bằng nguồn tín dụng

KHOẢN MỤC PHÍ		Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
1	**Trả góp giao dịch**				
1.1	**Trả góp tại Đơn vị liên kết**				
	• Phí trả góp thu KH		Miễn phí/Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết		
	• Phí hỗ trợ trả góp thu ĐVLK		Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết		
	• Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)		**2%** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		Phí tối thiểu: **100.000 VNĐ**
1.2	**Trả góp trên App MBBank/tổng đài MB247**				
1.2.1	**Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ**				
	• Phí trả góp		Theo kỳ hạn trả góp (**0.8%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn)		Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	• Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)		**Miễn phí**		Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	• Phí tất toán trước hạn (thu KH)/ tất toán sau sao kê (không thu VAT)		**Miễn phí**		
1.2.2	**Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ**				
	• Phí trả góp		Theo kỳ hạn trả góp (**1.2%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp)		Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	• Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**Miễn phí**		Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	• Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**2%** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		Phí tối thiểu: **100.000 VNĐ** Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
2	**Trả góp dư nợ**				Áp dụng từ ngày 01/03/2026
2.1	**Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ**				
	• Phí trả góp		Theo kỳ hạn trả góp		Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	• Kỳ hạn 3-24 tháng		**0.8%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn		
	• Kỳ hạn 36 tháng		**0.55%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn		
	• Kỳ hạn 48 tháng		**0.50%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn		
	• Kỳ hạn 60 tháng		**0.45%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn		
	• Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)		**Miễn phí**		Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	• Phí tất toán trước hạn (thu KH)/ tất toán sau sao kê (không thu VAT)		**Miễn phí**		
2.2	**Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ**				
	• Phí trả góp		Theo kỳ hạn trả góp		Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	• Kỳ hạn 3-12 tháng		**1.2%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		
	• Kỳ hạn 24 tháng		**1.1%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		
	• Kỳ hạn 36 tháng		**0.65%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		
	• Kỳ hạn 48-60 tháng		**0.55%/tháng** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		
	• Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**2.5%** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		Phí tối thiểu: **200.000 VNĐ** Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	• Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**2%** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		Phí tối thiểu: **200.000 VNĐ** Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại

V TRẢ GÓP

Áp dụng chung với các loại thẻ đa năng · Áp dụng khi KH thanh toán bằng nguồn tín dụng

KHOẢN MỤC PHÍ	Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
3 **Trường hợp Trả góp theo Chương trình ưu đãi Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) MBLife**				
3.1 **Với hợp đồng đóng phí năm 1**				
• Phí trả góp		Miễn phí trả góp năm đầu; Áp dụng với kênh thanh toán trên "Cổng bảo hiểm MB" và khách hàng tick chọn Trả góp (tại Chợ ứng dụng trên App MBBank); Không áp dụng miễn phí với các kênh thanh toán khác. Trường hợp Khách hàng thực hiện thanh toán HĐBH MBLife tại các kênh khác và chuyển đổi trả góp, mức phí áp dụng theo mục V.1.2		
• Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**Miễn phí**		
• Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**2%** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		Phí tối thiểu: **100.000 VNĐ** Áp dụng từ ngày 10/12/2025
3.2 **Với hợp đồng đóng phí năm 2**				Áp dụng từ ngày 15/04/2026 đến 31/12/2026 hoặc đến khi có thông báo thay thế
• Phí trả góp		Miễn phí; Khách hàng đăng ký với CV Tư vấn MBLife và thanh toán theo các kênh MBLife cung cấp. Trường hợp Khách hàng tự thực hiện chuyển đổi trả góp trên App, mức phí áp dụng theo mục V.1.2		
• Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**Miễn phí**		
• Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)		**2%** * giá trị giao dịch đăng ký trả góp		Phí tối thiểu: **100.000 VNĐ**
3.3 **Với hợp đồng đóng phí năm 3 trở lên**				
• Phí trả góp		Khách hàng thực hiện đăng ký trên App MBBank/tổng đài MB247, mức phí áp dụng theo mục V.1.2		
• Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)				
• Phí tất toán trước hạn (thu KH)/ tất toán sau sao kê (không thu VAT)				

VI LÃI SUẤT THẺ (ÁP DỤNG VỚI THẺ ĐA NĂNG CÓ HẠN MỨC TÍN DỤNG)

KHOẢN MỤC PHÍ	Ảnh thẻ minh họa	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
Tất cả các sản phẩm thẻ đa năng MB Hi Collection		**34.5%/năm**		Áp dụng từ ngày 07/10/2026

VII LƯU Ý KHÁC

- *Biểu phí và lãi suất được cập nhật theo quy định MB từng thời kỳ, công bố trên website mbbank.com.vn → Hỗ trợ → Biểu phí và biểu mẫu*
- *Biểu phí trên chưa bao gồm VAT*
- *Chu kỳ ghi nhận Phí thường niên được xác định từ ngày phát hành thẻ.*
- *Từ 10/04/2026, MB áp dụng nguyên tắc làm tròn số tiền phí thẻ (chưa VAT) đến hàng chục, cụ thể như sau:*
  - *Nếu phần đơn vị ≥ 05 thì làm tròn hàng chục lên 10*
  - *Nếu phần đơn vị < 05 thì làm tròn hàng chục xuống 00*

MB247: 1900 545426